

6. 出産・子育て・教育

(1) 妊娠・出産

子育て世代包括支援センターえがお

(TEL:0823-25-3597)

西保健センター (TEL:0823-25-3542)

東保健センター (TEL:0823-71-9176)

〈母子健康手帳〉

妊娠したら、病院でもらった「妊娠届出書（保健センターや保健出張所にもあります）」と個人番号（マイナンバー）カードを保健センターに出して「母子健康手帳」をもらいます。

乳幼児健診や健康相談を受けるとき、予防接種を受けるときには必ず「母子健康手帳」を持参してください。

〈妊産婦健診費用の助成〉

「母子健康手帳」をもらうときに、一緒に健診費用助成のための「受診券」をもらいます。受診券で指定された検査項目の費用が助成されます。広島県内の委託医療機関等で使うことができます。

※妊婦歯科健診は呉市内の委託医療機関のみ

〈出生届〉

1.届出・手続き の「出生・結婚・死亡」のページの「出生」（P3）を見てください。

〈出産育児一時金〉

3.保険・年金 の「出産育児一時金の支給」（P15）を見てください。

〈家庭訪問〉

赤ちゃんが生まれたら、早めに連絡してください。保健師が家庭訪問し、赤ちゃんやお母さんの相談、育児等の情報提供を行います。

〈乳幼児健康診査〉

赤ちゃんの健康状態や成長を確認するために「健康診査」があります。

6. SINH CON – NUÔI DẠY TRẺ - GIÁO DỤC

(1) Mang thai và sinh con

Trung tâm hỗ trợ gia đình có con nhỏ Egao

(TEL:0823-25-3597)

Trung tâm y tế Nishi (TEL:0823-25-3542)

Trung tâm y tế Higashi (TEL:0823-71-9176)

〈Sổ tay mẹ và bé〉

Sau khi biết mình mang thai, cần làm thủ tục tại Trung tâm y tế bằng cách nộp “Tờ khai thông báo mang thai” (có sẵn tại các Trung tâm Y tế và các chi nhánh tại địa phương) và Thẻ mã số cá nhân (my number). Sau khi làm thủ tục bạn sẽ được phát “Sổ tay mẹ và bé”.

Hãy nhớ mang theo “Sổ tay mẹ và bé” này khi đi khám sức khỏe cho trẻ, đi hỏi tư vấn sức khỏe, hoặc khi đi tiêm chủng.

〈Hỗ trợ chi phí y tế cho phụ nữ mang thai và sau khi sinh con〉

Khi nhận “Sổ tay mẹ và bé”, bạn cũng sẽ được phát “phiếu khám bệnh” dùng để hỗ trợ chi phí khám bệnh trong suốt quá trình mang thai và sau khi sinh con. Các khoản chi phí nằm trong diện được xem xét hỗ trợ theo quy định sẽ được ghi trên phiếu khám sức khỏe. Có thể sử dụng phiếu này khi đi khám tại các cơ sở y tế được ủy thác tại tỉnh Hiroshima.

※ Việc khám răng cho phụ nữ mang thai chỉ được thực hiện tại các cơ sở y tế đã được nhận ủy thác từ Thành phố.

〈Đăng ký khai sinh〉

Vui lòng xem tại mục “Khai sinh” (trang 3) trên trang “Khai sinh / Kết hôn / Khai tử” của mục 1.thông báo / thủ tục.

〈Tiền hỗ trợ thai sản một lần〉

Vui lòng xem chi tiết tại “Tiền hỗ trợ thai sản một lần” (trang 15) thuộc 3.Bảo hiểm và lương hưu.

〈Đến thăm tại nhà〉

Ngay sau khi sinh con hãy liên hệ với Thành phố ngay. Chuyên viên tư vấn sức khỏe cộng đồng sẽ đến nhà tư vấn về chăm sóc mẹ và bé sau khi sinh, v.v..

〈Khám sức khỏe trẻ sơ sinh〉

Là việc “Khám sức khỏe” dành riêng cho trẻ sơ sinh để kiểm tra tình hình sức khỏe và sự phát triển của bé.

ワクチン接種の対象年齢はワクチン毎に定められています。定められた対象年齢の場合は無料で接種できます。
予防接種に行くときは「母子健康手帳」を持参してください。

(2) 子育て支援

こども支援課《呉市役所 3 階》
(TEL:0823-25-3173)

〈児童手当〉

「児童手当」は高校生年代まで（18 歳到達後の最初の 3 月 31 日まで）の児童を養育している人に支給されます。
申請した月の翌月分から支給となります。申請が遅れると遅れた月分の手当を受けられなくなります。

支払額金額（月額）

3 歳未満	第 1 子, 第 2 子 15,000 円
	第 3 子以降 30,000 円
3 歳～高校生年代	第 1 子, 第 2 子 10,000
	第 3 子以降 30,000 円

※新たに子どもが生まれたり、他の市区町村へ転出したりした場合は、再度申請が必要です。
※各家庭の状況により、受給の要件が異なります。詳しくは、お問い合わせください。

支払時期

年に 6 回に分けて 2 月, 4 月, 6 月, 8 月, 10 月, 12 月に、それぞれの前月分までの 2 か月分の手当が支給されます。

申請に必要なもの

- ・児童手当認定請求書
- ・請求者名義の預金口座を確認できるもの
- ・個人番号（マイナンバー）カードまたは個人番号（マイナンバー）の通知カード
- ・本人確認書類（在留カードなど）

Độ tuổi cần tiêm chủng được quy định theo từng loại vắc xin. Nếu đưa trẻ đi tiêm đúng độ tuổi quy định sẽ được tiêm miễn phí.
Vui lòng mang theo “Sổ tay mẹ và bé” khi đưa trẻ đi tiêm chủng.

(2) Hỗ trợ nuôi dạy trẻ

Bộ phận Hỗ Trợ Nuôi Dạy Trẻ 《Tầng 3, Tòa thị chính thành phố Kure》 (TEL:0823-25-3173)

〈Trợ cấp nuôi con nhỏ〉

"Trợ cấp nuôi con nhỏ" được là chế độ dành cho người đang nuôi con nhỏ đến khi tốt nghiệp trung học phổ thông (đến ngày 31 tháng 3 đầu tiên sau ngày sinh nhật tròn 18 tuổi).
Bạn sẽ nhận được tiền hỗ trợ này sau 1 tháng kể từ tháng nộp đơn đăng ký. Nếu đăng ký chậm thì bạn sẽ không được nhận phần tiền trợ cấp của tháng đã nộp chậm đó.

Số tiền trợ cấp (hàng tháng)

Dưới 3 tuổi	Con thứ 1, con thứ 2 15,000 yên/trẻ
	Con thứ 3 trở đi 30,000 円
Từ đủ 3 tuổi – hết THPT	Con thứ 1, con thứ 2 10,000 yên/trẻ
	Con thứ 3 trở đi 30,000 円

※Nếu mới sinh thêm con hoặc chuyển đến thành phố khác, cần phải nộp đơn xin lại.
※Điều kiện để được nhận trợ cấp tùy thuộc vào tình hình của từng hộ gia đình. Chi tiết vui lòng liên hệ trực tiếp.

Thời gian chuyển tiền hỗ trợ

Tiền trợ cấp sẽ được chuyển 6 lần trong 1 năm (tháng 2, tháng 4, tháng 6, tháng 8, tháng 10, tháng 12), 1 lần chuyển phần tiền hỗ trợ của 2 tháng (tính đến tháng trước đó).

Giấy tờ cần nộp

- ・Đơn xin cấp chứng nhận trợ cấp nuôi con nhỏ.
- ・Giấy tờ có thể xác minh thông tin tài khoản ngân hàng của người nộp đơn
- ・Thẻ mã số Cá nhân (my number) hoặc Thẻ thông báo mã số cá nhân
- ・Giấy tờ tùy thân (thẻ lưu trú, v.v..)

続けて手当を受けるには、「児童手当現況届（6月初旬に送付）」のほか、必要な書類を6月末までに提出してください。

必要な人にだけ送付します。

提出が遅れると、手当が受けられなくなることがあります。必ず提出してください。

〈こども医療費助成制度〉

国民健康保険や各種社会保険に加入している場合、高校3年生（18歳到達後最初の3月31日）までの子どもの医療費の自己負担分の一部を助成します。

区分	通院	入院
0歳児～高校3年生	○	○

異動日から 14 日以内に申請してください。申請が遅れると申請日からの認定となります。

申請に必要なもの

- ・子ども医療費受給者証交付申請書
- ・健康保険証（子どもの保険証が必要です。出生による申請の場合は、子どもが加入予定の保護者の保険証でもよいです。）
- ・個人番号（マイナンバー）カードまたは個人番号（マイナンバー）の通知カード
- ・本人確認書類（在留カードなど）

提出先

「児童手当」「現況届」「こども医療費助成制度」
すべて、こども支援課、各市民センター、市民
窓口課

〈児童扶養手当〉

「児童扶養手当」は 18 歳到達後最初の 3 月 31 日までの児童を養育している父子・母子家庭等に支給されます（所得制限があり、支給額は所得に応じて変わります）。

〈ひとり親家庭等医療費助成制度〉

国民健康保険、各種社会保険に加入している、18歳到達後最初の3月31日までの児童を養育している父子・母子家庭等（世帯全員の

Gửi giấy khai báo tình hình nhận trợ cấp

Để tiếp tục nhận trợ cấp này, cần nộp "Giấy khai báo tình hình nhận trợ cấp nuôi con nhỏ (được gửi vào đầu tháng 6) và các giấy tờ cần thiết khác (chậm nhất là cuối tháng 6). Mẫu Giấy khai báo chỉ gửi đến người đủ điều kiện được nhận trợ cấp.

Phải nộp đúng thời hạn, nếu nộp chậm có thể sẽ không được nhận tiền trợ cấp.

〈Chế độ Hỗ Trợ Chi Phí Y Tế Cho Trẻ Em〉

Nếu bạn có tham gia Bảo hiểm y tế quốc dân hoặc các bảo hiểm xã hội khác, con của bạn sẽ được trợ cấp một phần chi phí y tế đến năm thứ ba trung học cơ sở.

Độ tuổi	Khám	Nhập viện
Trẻ 0 tuổi – năm 3 THPT	○	○

Nếu chuyển trường, vui lòng đăng ký trong vòng 14 ngày kể từ ngày thay đổi. Nếu đăng ký chậm sẽ được xác nhận kể từ ngày làm thủ tục.

Giấy tờ cần thiết

- Đơn xin cấp hỗ trợ chi phí y tế cho trẻ em
- Thẻ bảo hiểm y tế (kèm thẻ bảo hiểm của trẻ). Trường hợp đăng ký cho trẻ mới sinh có thể dùng thẻ bảo hiểm y tế của phụ huynh.
- Thẻ mã số cá nhân (My number) hoặc Thẻ thông báo mã số cá nhân
- Giấy tờ tùy thân (thẻ lưu trú, v.v..)

Nơi đăng ký

Bộ phận Hỗ Trợ Nuôi Dạy Trẻ, Trung tâm hành chính tại các địa phương, Bộ phận Quay Tiếp Dân tại Tòa Thị Chính. Phụ trách tất cả các trường hợp liên quan đến "Trợ cấp nuôi con nhỏ", " Khai báo tình hình nhận trợ cấp nuôi con nhỏ", "Chế độ hỗ trợ chi phí y tế cho trẻ em".

〈Trợ cấp nuôi con nhỏ dành cho cha/mẹ đơn thân〉

"Trợ cấp nuôi con nhỏ dành cho cha/mẹ đơn thân" là chế độ dành cho các gia đình có cha/ mẹ đơn thân đang nuôi con nhỏ đến khi trẻ tốt nghiệp THPT (đến ngày 31 tháng 3 đầu tiên sau sinh nhật tròn 18 tuổi, có quy định về mức thu nhập và số tiền trợ cấp thay đổi tùy theo thu nhập).

〈Chế độ Hỗ Trợ Chi Phí Y Tế Dành Hộ Gia Đình Cha/Mẹ Đơn Thân〉

Hỗ trợ một phần chi phí y tế đối với các hộ gia đình có cha/mẹ đơn thân, v.v.. (thuế thu nhập của của gia đình trong năm trước ở mức được miễn thuế) hiện đang nuôi con nhỏ

前年所得税が非課税相当) の医療費の自己負担額分の一部を助成します。

〈放課後児童会〉

こども支援課 ([TEL:0823-25-3254](tel:0823-25-3254))

放課後児童会は、昼間家族が家庭にいない小学 1 年生から 6 年生を対象に小学校の施設などを利用して「遊びの場」や「生活の場」を提供する事業です。

利用条件

- ① 呉市内の小学校に通学している。
- ② 保護者が仕事などにより昼間家庭にいない。
- ③ 1 ヶ月 15 日以上仕事などがあり、3 ヶ月以上続くこと。
- ④ 放課後児童会を 3 ヶ月以上利用すること。

「放課後児童会」の利用に関する費用や申請など詳しいことは

こども支援課 ☎ : 0823-25-3254

国際交流センター ☎ : 0823-25-5604

〈子育て家庭支援事業〉

こども家庭相談課 ([TEL:0823-25-3599](tel:0823-25-3599))

ショートステイ (短期入所生活援助事業)

保護者が病気などで児童の養育が一時的に困難となったときや母子が一時的に保護を必要とするとき、児童養護施設などで一定期間 (原則として 7 日以内) 児童を預かる制度です。

トワイライトステイ (夜間養護等事業)

保護者が仕事などで帰宅が夜間 (18:00 以降) になるときや休日に不在のとき、児童養護施設などで児童を預かる制度です。

〈病児・病後児保育〉

こども施設課 ([TEL:0823-25-3174](tel:0823-25-3174))

次のすべての項目に該当する児童を一時的にお預かりします。※事前の登録と予約が必要です。

và có tham gia Bảo hiểm y tế quốc dân hoặc các bảo hiểm xã hội khác. Hỗ trợ tới khi tốt nghiệp THPT (đến ngày 31 tháng 3 đầu tiên sau sinh nhật tròn 18 tuổi)

〈Chế độ Trông Giữ Trẻ Ngoài Giờ〉

Bộ phận Hỗ Trợ Nuôi Dạy Trẻ ([TEL:0823-25-3254](tel:0823-25-3254))

Chế độ trông giữ trẻ ngoài giờ là việc trường tiểu học, v.v.. cung cấp "sân chơi" và "nơi sinh hoạt" cho học sinh từ lớp một đến lớp sáu, khi phụ huynh không ở nhà vào ban ngày.

Điều kiện

- ① Trẻ theo học tại trường tiểu học bất kỳ tại thành phố Kure.
- ② Người bảo hộ của trẻ (phụ huynh) không có ở nhà vào ban ngày do bận đi làm, v.v..
- ③ Có thời gian làm việc từ 15 ngày trở lên mỗi tháng và liên tục từ 3 tháng trở lên.
- ④ Có nguyện vọng gửi trẻ ngoài giờ từ 3 tháng trở lên.

Thông tin chi tiết về phí gửi trẻ và cách đăng ký "Trông Giữ Trẻ Ngoài Giờ", v.v.. vui lòng liên hệ:

Bộ phận Hỗ Trợ Nuôi Dạy Trẻ ☎ : 0823-25-3254

Trung tâm Giao Lưu Quốc Tế ☎ : 0823-25-5604

〈Các chế độ hỗ trợ dành cho gia đình có con nhỏ〉

Bộ phận Hỗ Trợ Nuôi Dạy Trẻ ([TEL:0823-25-3599](tel:0823-25-3599))

Chế độ hỗ trợ nhận nuôi giữ trẻ nội trú ngắn hạn (Short stay)

Là chế độ nhận trông trẻ trong thời gian nhất định (về nguyên tắc là trong vòng 7 ngày) tại Cơ sở trông giữ trẻ khi phụ huynh gặp khó khăn nhất định trong việc nuôi dưỡng con cái do ốm đau hoặc người mẹ cần được chăm sóc tạm thời.

Chế độ Trông Giữ Trẻ Buổi Tối (Twilight stay)

Là chế độ nhận trông giữ trẻ khi người bảo hộ của trẻ (phụ huynh) phải làm việc muộn và trở về nhà vào buổi tối (sau 6pm) hoặc khi phụ huynh không ở nhà vào ngày nghỉ.

〈Chăm sóc trẻ trong và sau khi bị ốm〉

Bộ phận Quản Lý Cơ Sở Nuôi Dạy Trẻ

([TEL:0823-25-3174](tel:0823-25-3174))

Nhận giữ và chăm sóc trẻ đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây. ※ Cần đăng ký thành viên và đặt lịch trước.

- ①呉市内または相互利用の協定を結んでいる市町に住所があり、保育所等に在籍する児童から小学校 6 年生までの児童
- ②病気または回復期にあり、医療機関での入院は必要ないが、安静の確保に配慮する必要がある児童
- ③保護者の勤務の都合や、傷病、事故、出産、冠婚葬祭など社会的にやむを得ない事情により、家庭での保育が困難な児童

開設時間、費用など詳しいことは

こども施設課 ☎ : 0823-25-3174

国際交流センター ☎ : 0823-25-5604

〈こども誰でも通園制度〉

こども施設課 ([TEL:0823-25-3174](tel:0823-25-3174))

保護者が働いていなくても保育所などが利用できます。

利用対象者	呉市在住の生後 6 か月から満 3 歳未満の未就園児
利用可能時間	こども一人につき月 10 時間
利用料金	1 時間 300 円

一時預かりとの併用も可能です。

(3) 子育て施設

こども施設課 ([TEL:0823-25-3144](tel:0823-25-3144))

〈保育所〉

「保育所」は、0 歳から小学校就学前の子どもを対象とし、保護者が働いている、病気などの理由により家庭で保育できない子どもを保育する施設です。

一般的な保育時間は、1 日 8 時間から最大 11 時間ですが延長保育を実施している保育所もあります。

- ① 児童が 6 歳未満で、幼稚園・小学校・中学校・高等学校・職業訓練校等に在籍している児童
- ② 児童が 6 歳未満で、幼稚園・小学校・中学校・高等学校・職業訓練校等に在籍している児童
- ③ 児童が 6 歳未満で、幼稚園・小学校・中学校・高等学校・職業訓練校等に在籍している児童

児童が 6 歳未満で、幼稚園・小学校・中学校・高等学校・職業訓練校等に在籍している児童

児童が 6 歳未満で、幼稚園・小学校・中学校・高等学校・職業訓練校等に在籍している児童

児童が 6 歳未満で、幼稚園・小学校・中学校・高等学校・職業訓練校等に在籍している児童

児童が 6 歳未満で、幼稚園・小学校・中学校・高等学校・職業訓練校等に在籍している児童

〈児童が 6 歳未満で、幼稚園・小学校・中学校・高等学校・職業訓練校等に在籍している児童〉

児童が 6 歳未満で、幼稚園・小学校・中学校・高等学校・職業訓練校等に在籍している児童

児童が 6 歳未満で、幼稚園・小学校・中学校・高等学校・職業訓練校等に在籍している児童

児童が 6 歳未満で、幼稚園・小学校・中学校・高等学校・職業訓練校等に在籍している児童

対象児童	児童が 6 歳未満で、幼稚園・小学校・中学校・高等学校・職業訓練校等に在籍している児童
利用可能時間	児童が 6 歳未満で、幼稚園・小学校・中学校・高等学校・職業訓練校等に在籍している児童
利用料金	児童が 6 歳未満で、幼稚園・小学校・中学校・高等学校・職業訓練校等に在籍している児童

児童が 6 歳未満で、幼稚園・小学校・中学校・高等学校・職業訓練校等に在籍している児童

(3) 児童が 6 歳未満で、幼稚園・小学校・中学校・高等学校・職業訓練校等に在籍している児童

児童が 6 歳未満で、幼稚園・小学校・中学校・高等学校・職業訓練校等に在籍している児童

児童が 6 歳未満で、幼稚園・小学校・中学校・高等学校・職業訓練校等に在籍している児童

〈児童が 6 歳未満で、幼稚園・小学校・中学校・高等学校・職業訓練校等に在籍している児童〉

児童が 6 歳未満で、幼稚園・小学校・中学校・高等学校・職業訓練校等に在籍している児童

児童が 6 歳未満で、幼稚園・小学校・中学校・高等学校・職業訓練校等に在籍している児童

〈認定こども園〉

「認定こども園」は、保育所と幼稚園の両方の機能があります。

3歳児からは、保護者の働いている状況に関わらず、教育・保育を一緒に受けます。

「保育所」「認定こども園」の入所の基準や申込方法、必要書類などについては

こども施設課 ☎ : 0823-25-3144

国際交流センター ☎ : 0823-25-5604

〈幼稚園〉

「幼稚園」は、満3歳から小学校就学前の子どもを対象としています。「幼稚園」は1日標準4時間ですが、働いている保護者などに応じて、時間を延長して子どもを預かる「預かり保育」をしてくれる「幼稚園」もあります。

幼稚園の入園

詳しいことは「幼稚園」に問い合わせるか、

国際交流センター ☎ : 0823-25-5604

〈Nhà trẻ được cấp phép〉

“Nhà trẻ đã được cấp phép” có chức năng vừa là nhà trẻ vừa trường mẫu giáo. Nhận chăm sóc và giao dục cho trẻ từ đủ 3 tuổi trở lên không phân biệt điều kiện phụ huynh có đi làm hay không.

Thông tin chi tiết về điều kiện nhập học, cách đăng ký, các giấy tờ cần thiết, v.v.. vui lòng liên hệ:

Bộ phận Quản Lý Cơ Sở Nuôi Dạy Trẻ ☎ : 0823-25-3144

Trung tâm Giao Lưu Quốc Tế ☎ : 0823-25-5604

〈Trường mẫu giáo〉

Là nơi dành cho trẻ em từ 3 tuổi đến trước khi vào tiểu học. Thời gian trông giữ trẻ tiêu chuẩn tại "Trường mẫu giáo" là 4 giờ/ngày, nhưng cũng có nơi kéo dài thời gian trông giữ tùy thuộc vào thời gian làm việc, v.v.. của phụ huynh.

Nhập học

Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng liên hệ trực tiếp tới nhà trẻ đó hoặc

Trung tâm Giao Lưu Quốc Tế ☎ : 0823-25-5604



子育て施設

施設名	特徴	入園年齢	申請
保育園	家庭で保育できない保護者に代わって保育する施設	0～5歳 (6歳になる年まで)	各施設
認定こども園	保育園と幼稚園の両方の機能がある施設	0～5歳 (6歳になる年まで)	各施設
幼稚園	保護者の就労などに関係なく利用可 幼児教育を行う施設	満3～5歳 (6歳になる年まで)	各幼稚園

※保育園、認定こども園、幼稚園によって受け入れている年齢が違います。

Cơ sở nhận trông giữ trẻ

Tên cơ sở	Đặc điểm	Độ tuổi nhận giữ	Đăng ký
Nhà trẻ	Trông giữ trẻ hộ khi phụ huynh không thể trông trẻ	Từ 0 – 5 tuổi (đến năm trẻ lên 6 tuổi)	Tại mỗi cơ sở
Nhà trẻ được cấp phép	Có chức năng của cả nhà trẻ và trường mẫu giáo	Từ 0 – 5 tuổi (đến năm trẻ lên 6 tuổi)	Tại mỗi cơ sở
Trường mẫu giáo	Trông giữ trẻ tùy theo khả năng của cơ sở, không kể đến việc phụ huynh đi làm, v.v..	Từ đủ 3 tuổi – 5 tuổi (đến năm trẻ tròn 6 tuổi)	Tại mỗi cơ sở

※Độ tuổi nhận trông của trẻ có thể khác nhau tùy vào nhà trẻ, nhà trẻ được cấp phép và trường mẫu giáo.

(4) 学校

学校教育課 (TEL:0823-25-3568)

日本の教育・保育制度

0～6歳	6～12歳	12～15歳	15～18歳	18～22歳	22歳～
保育園 (0～6歳)	義務教育		高等学校 3～4年間	大学 4年間	大学院
認定こども園 (0～6歳)				短期大学 2年	
幼稚園 (3～6歳)	小学校 6年間	中学校 3年間	高等専門学校 5年間	専門学校 1～3年間	就業

〈小学校・中学校〉

日本人の 6 歳から 15 歳の子どもの持つ保護者には子どもを小学校・中学校及び義務教育学校に就学させる義務があります。

外国籍の子どもを持つ保護者には、就学させる義務はありませんが、公立の小学校・中学校及び義務教育学校への就学を希望する場合は無償で行かせることができます（給食費や教材費にお金がかかります）。

希望する場合は、呉市教育委員会学校教育課で就学の手続きをしてください。

※学校には 3 種類あります。

- 国立 国が設立した学校
- 公立 広島県や呉市が設立した学校
- 私立 国立、公立以外の学校

(4) Schools

Bộ phận Giáo dục và trường học

(TEL:0823-25-3568)

Chế độ giáo dục và chế độ nuôi dạy trẻ Nhật Bản

0 - 6 tuổi	6 - 12 tuổi	12 - 15 tuổi	15 - 18 tuổi	18 - 22 tuổi	Từ 22 tuổi trở lên
Nhà trẻ (0 - 6 tuổi)	Nghĩa vụ giáo dục		3 - 4 năm cấp THPT	4 năm đại học	Sau đại học
Nhà trẻ được cấp phép (0 - 6 tuổi)				2 năm đại học ngắn	
Trường mẫu giáo (3 - 5 tuổi)	6 năm cấp tiểu học	3 năm cấp THCS	5 năm liên thông THPT - trung cấp chuyên nghiệp	1 - 3 năm trung cấp chuyên nghiệp	Đi làm

〈Trường tiểu học - trường trung học cơ sở〉

Người bảo hộ có trẻ là người Nhật trong độ tuổi từ 6 – 15 tuổi có nghĩa vụ cho con đi học tại trường tiểu học, THCS và trường giáo dục phổ cập (bắt buộc).

Công dân nước ngoài được tự do quyết định có cho con đi học hay không※, nhưng nếu muốn học trường tiểu học, THCS và trường giáo dục phổ cập (bắt buộc) công lập sẽ được miễn học phí (cần chi trả phí tài liệu học tập và bữa ăn trưa tại trường).

Nếu có nguyện vọng, vui lòng liên hệ tới Bộ phận Giáo dục và Trường học – hiệp hội giáo dục thành phố Kure để làm thủ tục nhập học cho trẻ.

※ Có ba loại trường học.

- Quốc lập: Do quốc gia thành lập
- Công lập: Do tỉnh Hiroshima/thành phố Kure thành lập
- Tư thực: Các trường còn lại

〈就学援助〉

呉市立の小学校・中学校及び義務教育学校に通学し、経済的な理由等により就学困難な児童生徒の保護者は、学用品や給食などにかかる費用の援助を受けることができます。

詳しいことは

学校教育課 ☎ : 0823-25-3568

〈特別支援学校〉

障害のある幼児児童生徒に対して、幼稚園、小学校、中学校又は高等学校に準ずる教育、及び、障害による学習上又は生活上の困難を克服し自立を図るために必要な教育を受けることができる学校です。

詳しいことは

学校安全課 ☎ : 0823-25-3456

国際交流センター ☎ : 0823-25-5604

〈高等学校〉

「高等学校」は、中学校を卒業した人が通う学校で、入学に当たっては、原則として入学試験を受ける必要があります。

高等学校は無償ではありませんが、家庭の所得に応じて国の支援を受けることができます。

高等学校を卒業した人は、大学などに入学する資格が認められます。

詳しいことは

広島県教育委員会高校教育指導課

☎ : 082-513-4992

国際交流センター ☎ : 0823-25-5604

〈高等教育機関〉

日本で「高等学校」や「中高一貫校」等を卒業した人は、次の高等教育機関への入学資格が認められます。

- ① 大学
- ② 専門職大学
- ③ 短期大学
- ④ 専門職短期大学
- ⑤ 専門学校

※日本の「高等学校」等を卒業していない人は、「高等学校卒業程度認定試験」に合格すると、

〈Hồ trợ học phí〉

Phụ huynh của trẻ đang theo học các trường tiểu học, THCS và trường giáo dục phổ cập (bắt buộc) tại thành phố Kure, đang gặp khó khăn về tài chính, v.v.. gây ảnh hưởng đến việc đi học của trẻ, có thể sẽ được hỗ trợ tiền trang trải chi phí đồ dùng học tập, tiền ăn trưa tại trường, v.v..

Chi tiết vui lòng liên hệ đến:

Bộ phận Quản Lý về Trường Học, Cơ Sở Giáo Dục ☎ : 0823-25-3568

〈Trường học đặc biệt〉

Là trường học đặc biệt hỗ trợ cho trẻ khuyết tật. Có đầy đủ các cấp giáo dục tương đương với mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở hoặc trung học phổ thông, và cung cấp hệ thống giáo dục cần thiết để giúp trẻ vượt qua khó khăn trong học tập hoặc sinh hoạt do khuyết tật đồng thời giúp trẻ dần tự sinh hoạt và học tập như người bình thường.

Thông tin chi tiết, vui lòng liên hệ:

Bộ phận Quản Lý về Trường Học, Cơ Sở Giáo Dục ☎ : 0823-25-3456

☎ : 0823-25-3456

Trung tâm giao lưu quốc tế ☎ : 0823-25-5604

〈Trường THPT〉

"Trường THPT" là trường học dành cho những học sinh đã tốt nghiệp trung học cơ sở. Theo quy định, trước khi nhập học cần phải thi đầu vào.

Học phí không được miễn phí, nhưng có thể nhận được sự hỗ trợ của Thành phố tùy theo thu nhập của gia đình.

Những học sinh tốt nghiệp trường này đủ điều kiện vào trường đại học, v.v..

Thông tin chi tiết, vui lòng liên hệ

Phòng Hướng dẫn Giáo dục Trung học Phổ thông tỉnh Hiroshima ☎ : 082-513-4992

Trung tâm giao lưu quốc tế ☎ : 0823-25-5604

〈Cơ sở giáo dục cấp cao đẳng〉

Những người đã tốt nghiệp Trường THPT hoặc trường liên cấp THCS - THPT ở Nhật Bản đủ điều kiện để nhập học vào các cơ sở giáo dục cao đẳng tiếp theo..

- ① Đại học
- ② Đại học chuyên nghiệp
- ③ Đại học ngắn hạn
- ④ Đại học ngắn hạn chuyên nghiệp
- ⑤ Trường trung cấp chuyên nghiệp

※Những người chưa tốt nghiệp THPT tại Nhật Bản có thể tham gia kỳ thi tuyển sinh vào các trường đại học, cao

日本の大学や短期大学，専門学校などの入学試験を受けることができます。

đăng, trung học dạy nghề ... của Nhật Bản nếu họ vượt qua kỳ kiểm tra “chứng nhận tốt nghiệp trung học phổ thông”.

学校教育

学校	入学年齢	手続き	学校の選択 (公立の場合)	入学試験 (公立)
小学校	6～12 歳 (7 歳になる年～)	呉市学校教育課	呉市が指定	なし
中学校	12～15 歳 (13 歳になる年～)	呉市学校教育課	呉市が指定	なし
高等学校	15 歳～18 歳 (16 歳になる年～)	広島県教育委員会 高校教育指導課	希望する学校	あり

Giáo dục- trường học

Trường	Tuổi nhập học	Thủ tục	Chọn trường (công lập)	Thi đầu vào (công lập)
Trường tiểu học	6 – 12 tuổi (từ đủ 7 tuổi～)	Bộ phận quản lý giáo dục – trường học Kure	Thành phố Kure chỉ định	Không có
Trường THCS	12 – 15 tuổi (từ đủ 13 tuổi～)	Bộ phận quản lý giáo dục – trường học Kure	Thành phố Kure chỉ định	Không có
Trường THPT	15 – 18 tuổi (từ đủ 16～)	Phòng Hướng dẫn Giáo dục Trung học Phổ thông tỉnh Hiroshima	Theo nguyện vọng	Có

